

Bản án số: 564/2018/HNGĐ-ST

Ngày: 16-8-2018

V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN S THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lưu Hải Quỳnh Anh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Lưu Ly;
2. Bà Vũ Thị Hiệp.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thụy Bích Ngọc – Thư ký Tòa án nhân dân Quận S
Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận S Thành phố Hồ Chí Minh: Bà Đinh Thu
Thủy – Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 8 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận S Thành phố Hồ Chí Minh – số 99 đường TVK, Phường M, Quận S, Thành phố Hồ Chí Minh - xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 183/2018/TLST-HNGĐ ngày 22 tháng 3 năm 2018 về tranh chấp “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 320/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 27 tháng 7 năm 2018 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: bà Nguyễn Bích T – sinh năm: 1978 (*vắng mặt*)

Thường trú: số 424/9 đường Nguyễn Văn L, Phường MH, Quận S, Thành phố Hồ Chí Minh

2. Bị đơn: ông Nguyễn Đức T – sinh năm: 1974 (*vắng mặt*)

Thường trú: số 424/9 đường Nguyễn Văn L, Phường MH, Quận S, Thành phố Hồ Chí Minh

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong Đơn xin ly hôn ngày 13 tháng 3 năm 2018, bản tự khai đề ngày 17 tháng 4 năm 2018 của bà Nguyễn Bích T thì đương sự trình bày: bà T và ông Nguyễn Đức T được Ủy ban nhân dân Phường MH Quận S Thành phố Hồ Chí Minh cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 230, quyển số 02/2001 ngày 20/12/2001. Từ khi bà T sinh bé BT khoảng 06 tháng thì ông T nghi ngờ bà T đi ngoại tình; khi bà T yêu cầu ông T đưa ra chứng cứ, ông T nói

bà T khéo che đây, xóa dấu vết ngoại tình nên ông T không tìm được chứng cứ. Bà T đã xin nghỉ công tác tại trường CDKTKT Thành phố Hồ Chí Minh để giải tỏa những nghi ngờ của ông T nhưng ông T vẫn khẳng định bà T quan hệ tình dục với nhiều người đàn ông bằng những suy luận mà ông T cho là logic. Do đó, bà T nộp đơn yêu cầu Tòa án nhân dân Quận S giải quyết những vấn đề sau đây:

- Về quan hệ vợ chồng: bà T yêu cầu được ly hôn với ông Nguyễn Đức T.
- Về con chung: bà T và ông T có 02 con chung tên Nguyễn Kiều GT – sinh ngày: 01/01/2004 và Nguyễn Kiều BT – sinh ngày: 21/6/2011. Bà T yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung, không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con.
- Về tài sản chung: bà T tự khai không có.

Tại bản tự khai ghi ngày 03 tháng 7 năm 2018 của ông Nguyễn Đức T, đương sự trình bày nguyên nhân dẫn đến việc ly hôn là sống không hòa thuận. Do đó, ông T đồng ý ly hôn với bà Nguyễn Bích T.

- Về con chung: bà T và ông T có 02 con chung tên Nguyễn Kiều GT – sinh ngày: 01/01/2004 và Nguyễn Kiều BT – sinh ngày: 21/6/2011. Ông T đồng ý giao cho bà T được trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung, ông T không cấp dưỡng nuôi con.
- Về tài sản chung: ông T tự khai không có.

Trong quá trình giải quyết vụ án, ngày 05 tháng 7 năm 2018, trẻ Nguyễn Kiều GT và Nguyễn Kiều BT nộp Đơn trình bày nguyện vọng là khi bà T và ông T ly hôn thì nguyện vọng của trẻ là muốn sống chung với mẹ. Ngày 03 tháng 7 năm 2018, ông T nộp đơn xin vắng mặt tại các phiên họp, phiên hòa giải, phiên tòa; ngày 27 tháng 7 năm 2018, bà T nộp đơn xin vắng mặt tại phiên tòa xét xử.

Tại phiên tòa sơ thẩm, các đương sự vắng mặt. Viện kiểm sát nhân dân Quận S phát biểu: về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng quy định pháp luật; về việc giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử tuyên chấp nhận yêu cầu của bà Nguyễn Bích T được ly hôn với ông Nguyễn Đức T, chấp nhận giao 02 trẻ Nguyễn Kiều GT và Nguyễn Kiều BT cho bà T trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng, cấp dưỡng nuôi con tự thỏa thuận; về tài sản và nợ chung không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng và thẩm quyền giải quyết:

- Bà Nguyễn Bích T có đơn xin ly hôn với ông Nguyễn Đức T. Tại thời điểm bà T nộp đơn xin ly hôn thì ông T cư trú tại Quận S, căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự 2015, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận S, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Ngày 27 tháng 7 năm 2018, bà T nộp đơn xin vắng mặt tại phiên tòa xét xử; ngày 03 tháng 7 năm 2018, ông T nộp đơn xin vắng mặt tại các phiên họp, phiên hòa giải, phiên tòa. Căn cứ Điều 207 Bộ luật tố tụng dân sự 2015, vụ án thuộc trường hợp không tiến hành hòa giải được nên Tòa án phải mở phiên tòa xét xử vắng mặt các đương sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân:

Bà Nguyễn Bích T và ông Nguyễn Đức T được Ủy ban nhân dân Phường MH Quận S Thành phố Hồ Chí Minh cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 230, quyển số 02/2001 ngày 20/12/2001. Do đó quan hệ hôn nhân giữa bà T và ông T là hợp pháp, được pháp luật bảo vệ.

Tại các bản tự khai của bà T và ông T, cả hai đều thống nhất đồng ý ly hôn. Do đó, căn cứ khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân gia đình 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn ông T của bà T.

[3] Về con chung: bà T và ông T xác định có 02 con chung tên Nguyễn Kiều GT – sinh ngày: 01/01/2004 và Nguyễn Kiều BT – sinh ngày: 21/6/2011. Bà T và ông T thống nhất giao cho bà T được trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung, ông T không cấp dưỡng nuôi con. Sự thống nhất này của 02 đương sự phù hợp với nguyện vọng của 02 trẻ, do đó, căn cứ khoản 2 Điều 81 của Luật Hôn nhân gia đình 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung của bà T, ông T không cấp dưỡng nuôi con

[4] Về tài sản chung: bà T và ông T tự khai không có.

[5] Về án phí: Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) do bà T nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào

- Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 207, khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Điều 9, Điều 51, Điều 53, Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Điều 26 Luật Thi hành án dân sự.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

1. Về quan hệ hôn nhân: chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Nguyễn Bích T với ông Nguyễn Đức T.

2. Về con chung: giao cho bà Nguyễn Bích T được trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung tên Nguyễn Kiều GT – sinh ngày: 01/01/2004 và Nguyễn Kiều BT – sinh ngày: 21/6/2011; ông Nguyễn Đức T không cấp dưỡng nuôi con.

Vì lợi ích của con, khi cần thiết các bên có quyền yêu cầu thay đổi quyền nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con. Người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom con, không ai được cản trở họ thực hiện quyền này. Trường hợp thay đổi về nơi sinh sống, học tập của con chung, hai bên đương sự phải có nghĩa vụ thông báo cho nhau biết.

3. Về tài sản chung: bà Nguyễn Bích T và ông Nguyễn Đức T tự khai không có.

4. Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) do bà Nguyễn Bích T nộp, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) mà bà đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0028978 ngày 22/3/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận S. Bà Nguyễn Bích T đã nộp đủ án phí.

5. Giấy chứng nhận kết hôn số 230 quyền số 02/2001 ngày 20/12/2001 do Ủy ban nhân dân Phường MH, Quận S, Thành phố Hồ Chí Minh cấp không còn giá trị kể từ ngày bản án này có hiệu lực

6. Về quyền kháng cáo: Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Viện kiểm sát được quyền kháng nghị bản án theo quy định của pháp luật.

7. Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện yêu cầu thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân Quận S;
- Chi cục Thi hành án dân sự Quận S;
- UBND Phường MH, Quận S;
- Lưu: hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Lưu Hải Quỳnh Anh